

GIÁ TRỊ HIỆN THỰC CỦA MỸ THUẬT HIỆN ĐẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945-1954

Nguyễn Thị Kim Ngoan

Trường Đại học Thủ Dầu Một

TÓM TẮT

Mỹ thuật Việt Nam hiện đại giai đoạn 1945 – 1954 là một pho sử thi đồ sộ bằng tranh tràn đầy giá trị hiện thực. Thông qua quá trình sưu tầm các tác phẩm tiêu biểu ra đời trong cuộc kháng chiến chống Pháp, bài báo góp phần làm rõ nét mối quan hệ biện chứng giữa hiện thực và nghệ thuật, phân tích giá trị độc đáo của dòng nghệ thuật thấm đẫm tính hiện thực, tính chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc Việt Nam, khẳng định giá trị hiện thực luôn tồn tại trong mọi khuynh hướng nghệ thuật.

Từ khóa: *hiện thực, hiện đại, mỹ thuật, Việt Nam*

1. Mở đầu

Trong sự phát triển của nhân loại, hiện thực luôn là người bạn đồng hành với sự xuất hiện và tiến hóa của con người. Hiện thực luôn tồn tại một cách khách quan và chủ quan trong cuộc sống. Đó là mối quan hệ mang tính tương tác biện chứng mà thông qua hoạt động nhận thức, cải tạo hiện thực, con người không chỉ tự khẳng định mình như những lực lượng bản chất người mà còn với tính cách là một thực thể tự nhiên xã hội.

Những năm gần đây, với chính sách mở cửa, hội nhập thế giới của Đảng và Nhà nước, song song với sự giao lưu kinh tế là sự xuất hiện nhiều xu hướng nghệ thuật đa dạng của các nước phương tây. Điều này đã tạo cho Mỹ thuật Việt Nam một diện mạo mới vừa phong phú đa dạng nhưng cũng không kém phần phức tạp. Một bộ phận không nhỏ các họa sĩ bị choáng ngợp trước những cái “cũ người mới ta”. Họ cho rằng “nghệ thuật” chỉ nên vì “nghệ thuật” và không cần thiết phải có bóng dáng của hiện thực trong nghệ thuật. Giá trị hiện thực

trong nghệ thuật lại bị xem là lạc hậu đối với những họa sĩ cấp tiến bị mất phương hướng trước nhiều trào lưu nghệ thuật đang thâm nhập vào nước ta. Thậm chí một số họa sĩ còn phủ nhận giá trị của dòng nghệ thuật hiện thực một thời đã ghi đậm những trang sử hào hùng của dân tộc Việt Nam. Với niềm tự hào về dòng nghệ thuật đã có nhiều cống hiến to lớn trong quá trình tạo nên chiến thắng thần kỳ của dân tộc, bài báo góp phần làm rõ nét mối quan hệ biện chứng giữa hiện thực và nghệ thuật, phân tích giá trị độc đáo của dòng nghệ thuật thấm đẫm tính hiện thực, tính chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc Việt Nam, khẳng định giá trị hiện thực luôn tồn tại trong mọi khuynh hướng nghệ thuật.

2. Mối quan hệ biện chứng giữa nghệ thuật và hiện thực

Trong sự tồn tại và phát triển, con người luôn có mối quan hệ gắn bó mật thiết với hiện thực. Hiện thực chính là mảnh đất màu mỡ tạo nên sự thăng hoa cho sáng tạo nghệ thuật. Thông qua quá trình lao động con người đã tạo ra một sản phẩm chưa

từng có trong thiên nhiên, sản phẩm đặc biệt của sự sáng tạo là đỉnh cao của giá trị thẩm mỹ. Hiện thực cuộc sống chính là cội nguồn của nội dung nghệ thuật. Cái đẹp trong nghệ thuật chính là tấm gương phản chiếu cái đẹp trong cuộc sống. Tác phẩm nghệ thuật là nơi mối quan hệ thẩm mỹ giữa con người và hiện thực được thể hiện ở mức độ cao nhất. Nếu phủ nhận hiện thực, nghệ thuật sẽ mất đi các đối tượng thẩm mỹ một trong những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên trường thẩm mỹ cho người nghệ sĩ trong quá trình sáng tạo. Trong công trình nghiên cứu về sáng tạo nghệ thuật, hiện thực, con người đạt giải thưởng quốc gia Liên Xô năm 1980 của M.B. Khrapտrenko đã phản đối mạnh mẽ quan niệm nhân đôi thế giới bằng hình tượng nghệ thuật của M. Kagan. Quan niệm này cho rằng: “nghệ thuật bao giờ cũng là sự nhân đôi hư ảo và là sự tiếp tục của hành động sống thực tế” [20, tr.164]. M.B. Khrapտrenko đã không thừa nhận sự thoát ly những mâu thuẫn của cuộc sống, phủ nhận cuộc sống với tư cách là đối tượng sáng tác là mô hình nghệ thuật của hiện thực. Theo ông “sự lãng quên ngọn nguồn cuộc sống của sáng tác nghệ thuật không chỉ dẫn đến, cả trong bản thân nghệ thuật cũng như trong lý thuyết nghệ thuật, sự đánh mất những cơ sở nội dung phong phú của nghệ thuật, mà còn dẫn đến sự thủ tiêu đặc trưng của nó” [20, tr.157]. Hiện thực luôn có sự chi phối đặc biệt đối với nghệ thuật tạo hình từ giai đoạn cổ đại đến giai đoạn hiện đại. Tùy theo từng giai đoạn lịch sử, có lúc tính hiện thực trong các tác phẩm nghệ thuật được đề cao tạo thành một trào lưu sáng tác chính thống, có lúc lắng đọng đằng sau những phương pháp khác. Nhưng nhìn chung, cho dù nghệ thuật có phát triển theo bất cứ khuynh hướng, trào lưu sáng

tác nào cũng đều chịu sự chi phối của hiện thực ở một mức độ nhất định. Nghệ thuật không thể thoát ly hiện thực.

3. Tình hình xã hội và sự chuyển hướng trong quan điểm nghệ thuật giai đoạn 1945-1954

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa vừa ra đời thì thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, chứ nhất định không làm nô lệ”, các nghệ sĩ yêu nước đã tham gia vào cuộc chiến, quyết đem một phần sức lực của mình bảo vệ quê hương. Trong quá trình tham gia các chiến dịch trên mọi nẻo đường đất nước, hiện thực của cuộc kháng chiến đã tạo nên sự chuyển biến rất lớn trong quan điểm sáng tác của các nghệ sĩ giai đoạn này. Nếu như mỹ thuật giai đoạn đầu thế kỷ XIX đã phản ánh hiện thực cuộc sống nhưng chưa diễn tả được những vấn đề lớn mang tính thời đại, chưa đến được với đông đảo quần chúng lao động thì trong giai đoạn này mỹ thuật hình thành và phát triển dưới chính quyền cách mạng, theo đường lối văn nghệ của Đảng, vì sự nghiệp cao cả của Tổ quốc. Sau một số hội nghị văn hóa, văn nghệ và các cuộc tranh luận tại chiến khu Việt Bắc, phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa xuất phát từ Liên Xô đã được phổ biến và vận dụng một cách phù hợp vào đường lối văn nghệ Việt Nam. Đặc biệt, tháng 7-1948 tại Đại hội Văn hóa toàn quốc, Tổng Bí thư Trường Chinh đã thông qua báo cáo quan trọng “Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam”[4]. Khái niệm hiện thực xã hội chủ nghĩa được giải thích một cách cụ thể. Tại Đại hội văn nghệ lần hai, Trường Chinh tiếp tục nhấn mạnh “tăng cường tính Đảng, đi sâu vào cuộc

sống mới để phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng tốt hơn nữa” [4, tr.218] nhằm mục đích nâng cao và phát triển quan điểm sáng tác trong văn nghệ sĩ, yêu cầu đưa nghệ thuật đi sâu vào cách mạng, phục vụ nhân dân. Những đổi mới về quan điểm của Đảng trong đường lối lãnh đạo văn hóa, văn nghệ đã tác động rất lớn đối với nhận thức của các nghệ sĩ. Triển lãm hội họa năm 1951 với gần 200 tác phẩm hội họa có giá trị đã chứng tỏ sự chuyển hướng trong quan niệm sáng tác của họ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi một bức thư với lời khẳng định “Văn hóa nghệ thuật là một mặt trận. Anh chị em nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy” [19, tr. 349]. Giờ đây giới văn nghệ sĩ đã ý thức được trách nhiệm đối với đất nước, họ đã nhận ra rằng hiện thực cuộc chiến rất đòi hỏi hào hùng của dân tộc mới chính là sự thắng hoa tuyệt vời cho các tác phẩm nghệ thuật. Và công chúng thường thức hôm nay không phải là tầng lớp thượng lưu mà chính là những người lao động chân lấm tay bùn, những bác công nhân, những anh chiến sĩ. Vì vậy đã tạo nên những chuyển biến lớn về mặt hình thức và nội dung sáng tác, hình thành nên một dòng nghệ thuật cách mạng chính thống theo bút pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa phản ánh một cách sinh động cuộc chiến hào hùng của dân tộc.

4. Cuộc đấu tranh trường kỳ chống Pháp của dân tộc Việt Nam qua các tác phẩm mỹ thuật tiêu biểu (1945-1954)

Khi nhận xét về chủ thể thẩm mỹ, đối tượng sáng tạo nghệ thuật Tố Hữu cho rằng: “Tôi không tin có thiên tài nào ở ngoài “cái ô” của cuộc sống vĩ đại, cuộc sống lao động, đấu tranh đau khổ và cũng dũng cảm của muôn triệu người làm nên lịch sử. Thiên tài là gì nếu không phải là hương của hoa, núi của đất, là sự kết tụ ở mức độ nào đó trí tuệ của loài người? Nghệ

sĩ là con đẻ toàn diện của hoàn cảnh nó đã sống như đứa con mang máu thịt và cái mùi riêng của cha mẹ” [14, tr.303]. Có thể nhận thấy hiện thực của cuộc kháng chiến chống Pháp chính là khách thể thẩm mỹ tác động một cách trực tiếp vào nhận thức của người nghệ sĩ tạo nên cảm xúc thẩm mỹ, tiền đề cho quá trình sáng tạo nghệ thuật. Các tác phẩm mỹ thuật giai đoạn 1945-1954 chính là sự phản ánh chân thực cuộc đấu tranh trường kỳ chống Pháp của dân tộc Việt Nam thể hiện qua những tác phẩm tiêu biểu.

Thật vậy cái khí thế hào hùng pha chất sử thi của dân tộc Việt Nam khi đi vào cuộc chiến đã được thể hiện rõ nét qua áp phích “Hà Nội vùng đứng lên” [H4.1] của họa sĩ Tô Ngọc Vân. Hình ảnh cô thiếu nữ với mái tóc dài và tà áo tung bay phấp phới tràn ngập cả mặt tranh. Những nốt nhạc và dòng chữ Hà Nội vùng đứng lên như một lời tuyên thệ nước Việt Nam dù rất ôn hòa, dịu dàng nhưng vẫn sẵn sàng đi vào cuộc chiến để bảo vệ độc lập, tự do, nhất định không chịu làm dân tộc nô lệ. Đến với tác phẩm “Bộ đội Nam tiến” [H4.2] của họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung, chúng ta như sống lại những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Những người thanh niên Hà Nội tham gia vào cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc đã ra đi trên mọi nẻo đường đất nước. Họ hiện lên vững chãi giữa tranh trong màu áo xanh quân phục, súng nặng trĩu trên vai, gương mặt rắn rỏi đánh lại, ánh mắt tràn đầy sự quyết tâm vào một ngày mai tất thắng dù trong lòng vẫn còn vẫn vương những kỷ niệm về mảnh đất nơi mình đã ra đi. Trong số những người thanh niên đã ra đi từ mảnh đất nổi tiếng ngàn năm văn vật ấy còn có những nhà thơ, nhạc sĩ, họa sĩ với tâm hồn nhạy cảm của người nghệ sĩ, họ nhanh chóng hòa nhập vào cuộc đấu tranh trường kỳ của dân tộc và hàng

loạt tác phẩm đã ra đời từ những cảm xúc chân thật trong chiến tranh. Đó là hình ảnh của những người hùng dân tộc được thể hiện qua các tác phẩm “Tiểu đội pháo” của họa sĩ Nguyễn Tư Nghiêm, “Quân binh xưởng khu 5” của họa sĩ Văn Giáo, “Trận Tầm Vu” của họa sĩ Nguyễn Hiêm, “Đu kích hậu địch” của họa sĩ Trịnh Bá Phòng. Họ hiện lên thật oai dũng với khí thế tấn công của những con người đi vào cuộc chiến bằng lòng căm thù vô hạn đối với những kẻ đã dày xéo quê hương mình.

Bên cạnh việc phản ánh lại cuộc chiến đấu ngoan cường của đất nước, các tác phẩm giai đoạn này còn phơi bày tội ác của giặc Pháp và khát vọng chiếm lĩnh tri thức của dân tộc Việt Nam trong kháng chiến. Đến với tác phẩm “Giặc đốt làng tôi” [H4.3], một bức tranh có bố cục và màu sắc đẹp. Bằng chất liệu sơn dầu với những nét cọ mạnh bạo, chắc khỏe, họa sĩ Nguyễn Sáng đã tái hiện lại khung cảnh gặp nhau giữa đoàn bộ đội và những người dân chạy loạn. Đó là cái không khí hồi hộp của đoàn người bồng bế, dắt díu nhau rời bỏ ngôi làng thân thương sắp trở thành tro bụi dưới ngọn lửa tàn ác của kẻ thù. Những em bé đã sớm mất đi nét thơ ngây, hồn nhiên của lứa tuổi. Bà lão dân tộc bước đi với nét mặt đăm chiêu, trầm tư. Một người phụ nữ Thái trắng địu con thơ trên lưng, tay chỉ về hướng ngôi làng còn đang bốc cháy của mình trút cạn những nỗi đau thương với anh bộ đội trong sự ngậm ngùi. Anh bộ đội lặng người trước nỗi đau của đồng bào mình. Đoàn quân phía sau anh vẫn đều bước nhưng gương mặt hiện lên nét đau khổ, căm thù. Tình yêu thương và những nỗi mất mát đã chuyển thành lòng căm thù đối với quân xâm lược. Áp phích “Giặc giết hiếp” [H4.4] của họa sĩ Tô Ngọc Vân là lời tố cáo đanh thép đối với quân xâm lược. Nó

khơi dậy sự căm phẫn từ hàng triệu trái tim của những người dân Việt Nam yêu nước. Tác phẩm “Chạy giặc trong rừng” [H4,5] của họa sĩ Tô Ngọc Vân với sự phối hợp các sắc thái của màu xanh trên nền sơn mài vàng son đã tái hiện lại những gian khổ mà người dân Việt Nam phải gánh chịu khi đất nước bị xâm lược. Tác phẩm “Ở hang” [H4,6] của họa sĩ Trần Văn Cẩn được thể hiện trên nền lụa mềm mại, óng ả đã phản ánh phút giây bình yên giữa cuộc chiến tranh nóng bỏng. Góc hang ấy như tách ly khỏi thế giới bên ngoài với hình ảnh của những người phụ nữ đang ngồi bên nhau thật đầm ấm. Họ cùng chia sẻ với nhau những gian nan nguy hiểm và có cùng một mơ ước cháy bỏng được thoát khỏi góc hang tuy bình yên nhưng tăm tối đó để có thể đón ánh dương chiếu rọi giữa bầu trời cao rộng. Đó chính là ánh sáng của độc lập, tự do, thế nhưng đối với những người dân bị mất nước thì vùng trời cao rộng ngoài chốn hang sâu tăm tối đã trở thành mối đe dọa của những trận bom, những trận càn quét có thể cướp đi sự sống của bản thân và những người thân yêu bên cạnh.

Chiến tranh đã cướp đi của người Việt Nam những phút giây bình yên, thế nhưng niềm khát khao được tồn tại, được phát triển vẫn bùng lên một cách mãnh liệt. Phong trào “xóa nạn mù chữ” được toàn thể nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ. Tác phẩm “Cùng nhau học tập” [H4.7] của họa sĩ Trần Văn Cẩn với sự cách tân tranh khắc gỗ trên nền truyền thống dân tộc đã phản ánh được tinh thần say mê học tập của thanh thiếu niên trong chiến tranh. Chiến tranh đã cướp đi của họ những giờ học bình yên nơi mái trường yêu dấu nhưng không ngăn được khát vọng khám phá kiến thức của họ giữa mưa bom bão đạn. Hình ảnh hai cô thiếu nữ ngồi học bên nhau say sưa như một niềm

hy vọng mãnh liệt của đất nước vào tương lai của thế hệ trẻ mai sau. Họ như những bông hoa, những mầm xanh của dân tộc Việt Nam luôn rực rỡ dù hoàn cảnh khắc nghiệt. Khát vọng học tập không chỉ dừng lại ở lớp trẻ mà nó là tinh thần chung của nhân dân. Tác phẩm “Đốt đuốc đi học” [H4.8] được vẽ bằng thuốc nước của họa sĩ Tô Ngọc Vân thể hiện hình ảnh ông lão một tay ôm sách vở, một tay cầm bó đuốc sáng rực trong tay trên đường đến lớp học. Sự tấn công và đàn áp của kẻ thù vẫn không thể dập tắt được nhu cầu học tập, chiếm lĩnh nguồn tri thức của những người dân bị xâm lược.

Cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam đã liên kết được các giai cấp trong toàn xã hội từ công nhân, nông dân đến tầng lớp trí thức. Tất cả đều sát cánh bên nhau hy sinh lợi ích riêng tư để đạt đến lợi ích chung to lớn của toàn dân tộc. Trong chiến tranh ác liệt, tình quân dân càng thấm thiết hơn, nồng nàn hơn, bộ đội gặp dân như cá gặp nước, bộ đội luôn bám rễ và phát triển trong lòng dân. Hiện thực đó cũng chính là cảm xúc thẩm mỹ cho những sáng tạo nghệ thuật của các họa sĩ. Có thể nói các tác phẩm mỹ thuật giai đoạn này đã phản ánh hiện thực xã hội một cách chân thực, sống động đây “là quá trình tìm tòi khám phá để hiểu biết đối tượng nghệ thuật, tức là quá trình tư duy hình tượng về tự nhiên, xã hội, con người của nghệ sĩ. Hiểu biết đối tượng và tái hiện, tái tạo hay tưởng tượng ngôn ngữ nghệ thuật” [4, tr.205]. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, những người chiến sĩ cách mạng đã ra đi bỏ lại sau lưng hậu phương thân thương, nơi có mái nhà ấm cúng in đậm hình bóng vợ con yêu dấu, có lán giềng thân thuộc với mái đình, cây đa, bến nước, con đò. Sự gặp gỡ giữa cuộc chiến ác liệt cho dù là tình cảm gia đình với

những rung cảm riêng tư hay sự gặp gỡ giữa những người đồng chí mới quen cũng thấm thiết tình quân dân như cá nước sum vầy. Phút giây gặp gỡ giữa cha và con, vợ và chồng, đôi lứa yêu nhau, những người đồng hương, những cô dân công gặp những anh bộ đội, những cô thanh niên xung phong gặp những anh lính xe tăng vui tính hay sự gặp gỡ tình cờ giữa các binh chủng khác nhau cũng đều hòa quyện một thứ tình cảm đặc biệt pha trộn giữa gia đình và đất nước. Cái riêng và cái chung đã trở thành một thể thống nhất, gắn bó mật thiết không phủ định lẫn nhau, đó là một trong những nét đẹp của tình quân dân được thể hiện rõ nét trong các tác phẩm mỹ thuật giai đoạn này. Họa sĩ Mai Văn Hiến với chất liệu bột màu trong trẻo, hòa sắc tươi tắn, đậm đà đã thể hiện một cuộc “Gặp gỡ” [H4.9] cảm động diễn ra giữa vùng đồi núi bao la hoang vắng. Không gian u tịch bỗng nhộn nhịp hẳn lên trước sự xuất hiện của những cô dân công duyên dáng và những anh bộ đội vui tính. Họ cùng đi về một hướng lẫn cả vào nhau hồ hởi và vội vã. Một anh bộ đội vai nặng trĩu ba lô, súng khoác trên vai đột nhiên tách ra khỏi hàng quay lại hướng về phía cô dân công có khuôn mặt tròn trĩnh chít khăn mỏ quạ, áo bà ba giản dị, đôi bô nông vẫn chưa kịp đặt xuống chân. Họ lặng lẽ trao cho nhau ánh mắt dịu dàng, thăm thẳm, một cách biểu đạt tình cảm hết sức Á Đông không dồn dập, vội vã mà lắng đọng, thâm trầm. Niềm vui gặp gỡ không chỉ tràn ngập trong ánh mắt của cô dân công và anh bộ đội mà còn lan tỏa khắp nơi trong lòng tất cả mọi người. Niềm vui riêng của họ đã hòa với niềm vui chung của tập thể. Sự biệt ly sau đó không hề mang nỗi buồn cô đơn mà nó đã trở nên ấm áp hơn bởi sự chia sẻ của tập thể. Bên cạnh những cuộc gặp gỡ in đậm niềm vui và nỗi mất

mát, các tác phẩm mỹ thuật giai đoạn này còn phản ánh một cách sinh động những cuộc gặp gỡ chứa đựng tình cảm cao cả giữa quân và dân trong cuộc kháng chiến chống Pháp qua các tác phẩm “Bát nước” hay “Tình quân dân” của họa sĩ Sĩ Ngọc.

Không chỉ phản ánh cuộc đấu tranh dân tộc, phơi bày tội ác của quân xâm lược, các tác phẩm giai đoạn này còn thể hiện hình ảnh Bác Hồ, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc với một niềm tôn kính, yêu thương. Một trong những tác phẩm của nhà điêu khắc Vũ Cao Đàm sáng tác tại Pháp đã thể hiện thành công “Chân dung Bác Hồ” vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc. Chiến tranh với sự tàn phá hủy diệt của nó luôn bao phủ khắp nơi, toàn dân tộc Việt Nam đã chiến đấu bằng nhiều hình thức với mục đích sau cùng là giải phóng đất nước và cuộc chiến bằng trí óc là cuộc chiến âm thầm nhưng còn nguy hiểm hơn cả mưa bom bão đạn bởi vì nó quyết định vận mệnh của toàn dân tộc. Tác phẩm “Bác Hồ làm việc ở Bắc Bộ phủ” [H4.10] của họa sĩ Tô Ngọc Vân được thể hiện bằng chất liệu sơn dầu với hình ảnh chính là Bác Hồ, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc đang ngồi làm việc chăm chú trên chiếc bàn, xung quanh mọi vật đều rất đơn sơ từ chiếc ghế dựa đến khung tranh ở bức tường phía sau. Bác ngồi đó dáng vẻ rất ung dung nhưng hàng ngàn suy tính đang diễn ra trong bộ óc của nhà lãnh đạo tài ba ấy. Một quyết định thông minh, sáng suốt của người có thể đảo ngược tình thế mang lại những thắng lợi về vang, giúp toàn dân tộc tin vào một ngày mai tất thắng. Để tạo nên cuộc kháng chiến thần kỳ thì ngoài lòng dũng cảm, sự đoàn kết một lòng, một dạ giữa quân và dân, niềm tin tưởng tuyệt đối vào vị lãnh tụ của mình cũng chính là một yếu tố vô cùng quan trọng. Tác phẩm “Thiếu nhi Trung, Nam,

Bắc” hay “Bác Hồ và thiếu nhi” [H4.11] được vẽ bằng màu trên nền lụa trong treo của họa sĩ Diệp Minh Châu đã gọi cho người xem một nỗi xúc động bồi hồi. Với lối bố cục chặt chẽ, cô đọng nét bút thoáng tràn đầy tình cảm, hình ảnh Bác Hồ với gương mặt hiền hòa, phúc hậu và ba em thiếu nhi đại diện cho ba miền Nam, Trung, Bắc ngồ nghĩnh, đáng yêu hiện lên giữa tranh như một niềm khát khao đất nước thống nhất của toàn dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh giành lại chủ quyền đất nước. Dòng màu đỏ thắm sâu, hòa quyện vào từng sợi lụa trắng tinh khôi đã tạo nên chất liệu đặc biệt cho tác phẩm. Đó chính là niềm tin, là tình cảm thương nhớ vô bờ của họa sĩ Diệp Minh Châu đại diện cho miền Nam ruột thịt dành cho vị lãnh tụ yêu quý của mình. Hình ảnh Bác Hồ qua phản ánh của mỹ thuật có lúc thì uy nghi, cao cả, có lúc thì gần gũi thân quen như một vị cha già, một người ông thân thiết. Ký họa “Bác Hồ với thiếu nhi” [H4.12] của họa sĩ Lương Xuân Nhị đã thành công trong chủ đề phản ánh tình cảm thân thương sâu đậm của Bác Hồ dành cho các cháu thiếu niên nhi đồng. Bằng những nét đen mềm mại Bác Hồ được diễn tả như một ông bụt hiền từ và các cháu thiếu nhi đang quần quýt xung quanh. Một số em đang ôm chầm lấy Bác, có em đang múa võ, có em đang tung tăng với bó hoa và lá cờ đỏ sao vàng trên tay. Tất cả các em đều vui đùa tung tăng bên Bác như một đàn chim sáo. Bác nhìn các cháu thiếu nhi với cái nhìn trìu mến của một người ông đối với đàn cháu thơ ngây. Ước mơ trong những lần “bắn khoăn giấc chẳng thành” của Bác chính là tìm thấy độc lập, tự do để các em thơ không phải đi học thời chiến với những nguy hiểm cận kề mà được tung tăng cắp sách đến trường trong ánh nắng ban mai của bầu trời hòa bình cao lồng lộng.

5. Kết luận

Có thể khẳng định rằng chính hiện thực đã giúp cho nền mỹ thuật Việt Nam vẫn liền mạch dù trải qua bước ngoặt lịch sử từ chế độ tư bản thuộc địa sang chế độ dân chủ cộng hòa. Bắt nguồn từ trường thẩm mỹ gắn liền với hiện thực sinh động của cuộc kháng chiến trường kỳ giải phóng dân tộc, những nghệ sĩ đã nhận thức được một vấn đề quan trọng trong quan niệm sáng tác, đó chính là nghệ thuật không chỉ vì nghệ thuật mà nghệ thuật còn phải vì nhân sinh. Mỹ thuật hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945-1954 đã phản ánh một cách trung thực những bước chuyển mình của lịch sử Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp chuẩn bị nền tảng cho sự phát triển đỉnh cao của mỹ thuật giai đoạn 1954-1975.

Vận dụng linh hoạt tính hiện thực trong quá trình sáng tạo nghệ thuật sẽ giúp người nghệ sĩ có đủ bản lĩnh tiếp thu một cách có chọn lọc những khuynh hướng

nghệ thuật đa dạng đã và đang du nhập vào nước ta. Lịch sử nhân loại đang chuyển sang một giai đoạn mới, nghệ thuật tạo hình cũng cần có sự đổi mới đó là một qui luật tất yếu. Tuy nhiên dù nghệ thuật có chuyển sang bất cứ một khuynh hướng, một phong cách nào thì người nghệ sĩ vẫn không thể thoát ly được hiện thực, các tác phẩm vẫn mang đặc trưng riêng về quê hương, đất nước, con người nơi họ đang tồn tại. Đó chính là điểm tạo nên sự khác nhau giữa các nền văn hóa, tạo nên hương sắc riêng cho nền nghệ thuật của mỗi nước. Các họa sĩ trẻ hôm nay có quyền tìm kiếm thêm nhiều giống hoa lạ ở bất kỳ nơi nào trên vườn hoa thế giới để tô điểm cho vườn hoa nghệ thuật Việt Nam thêm rực rỡ sắc màu nhưng đừng bao giờ quên đi những loài hoa cúc, hoa sen, hoa hồng quen thuộc của dân tộc. Đó cũng là cái riêng để tạo nên vẻ đẹp của nền nghệ thuật nước ta trong vườn hoa nghệ thuật của nhân loại.

THE REALISTIC VALUE OF VIETNAMESE MODERN ART DURING THE 1945 – 1954 PERIOD

Nguyễn Thị Kim Ngoan

ABSTRACT

The Vietnamese Modern Art is a colossal illustrated epic full of great realistic value. Through a collection of symbolic works of art appeared during the war of resistance against the French colonialists, the article has taken its part in making it clear the dialectic relation between realism and art, analyzing the unique value of the stream of art impregnated with the realistic characteristics, giving prominence to the heroism of the revolution of the Vietnamese people, and affirming the ever-lasting realistic value in all art forms and tendencies.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Biên tập NXB Văn hóa (1975), *Nghệ thuật tạo hình Việt Nam*, NXB Văn hóa.
- [2] Nguyễn Lương Tiểu Bạch (2005), *Mỹ thuật Việt Nam hiện đại*, NXB Hà Nội.
- [3] Hà Huy Bình (1997), “Nghệ thuật phản ánh hiện thực”, *Những vấn đề Mỹ thuật*, NXB Mỹ thuật.
- [4] Bộ Văn hóa Thông tin (1995), *Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam*, NXB Văn hóa – Thông tin.

- [5] Bộ Văn hóa Thông tin (2003), *Tuyển tập Mỹ thuật Việt Nam thế kỷ XX*, NXB Văn hóa – Thông tin.
- [6] Phạm Thị Chinh (2004), *Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm.
- [7] Phạm Văn Đồng (1976), *Về văn hóa – văn nghệ*, NXB Văn hóa.
- [8] Lê Sĩ Giáo chủ biên (2002), *Dân tộc học đại cương*, NXB Giáo dục.
- [9] Bảo Hân (2010), “*Mỹ thuật hiện đại Việt Nam trên mảnh đất nghìn năm văn hiến: Thăng Long – Hà Nội sự kiện và bình luận*”, Tạp chí Mỹ thuật Việt Nam.
- [10] Nguyễn Phi Hoanh (1970), *Lược sử Mỹ thuật Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội.
- [11] Nguyễn Phi Hoanh (1975), *Văn minh nhân loại - Mỹ thuật và nghệ sĩ*, NXB TP. HCM.
- [12] Nguyễn Phi Hoanh (1984), *Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam*, NXB TP. HCM.
- [13] Nguyễn Phi Hoanh (1993), *Mỹ thuật và nghệ sĩ*, NXB TP. HCM.
- [14] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2003), *Mỹ học Mác Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia.
- [15] Hội Mỹ thuật Việt Nam (1994), *50 năm tranh tượng về lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng*, NXB Văn hóa.
- [16] Hội Mỹ thuật Việt Nam (1996), *Tranh sơn dầu Việt Nam*, NXB Hà Nội.
- [17] Hội Mỹ thuật Việt Nam (1997), *Tranh lụa Việt Nam*, NXB Hà Nội.
- [18] Hội Mỹ thuật Việt Nam (1998), *Các họa sĩ Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương*, NXB Hà Nội.
- [19] Hồ chí Minh (1977), *Về công tác văn hóa văn nghệ*, NXB Sự thật.
- [20] M.B.Khraptrenko (1985), *Sáng tạo nghệ thuật hiện thực con người*, tập hai, NXB Khoa học Xã hội.
- [21] Nguyễn Quân (1982), *Nghệ thuật tạo hình Việt Nam hiện đại*, NXB Văn hóa.
- [22] Nguyễn Quân (2010), *Mỹ thuật Việt Nam thế kỷ 20*, NXB Tri thức
- [23] Quang Phòng - Quang Việt (2000), *Mỹ Thuật thủ đô Hà Nội thế kỷ XX*, NXB Mỹ thuật

- Bài nhận ngày: 24/04/2016
- Chấp nhận đăng: 30/05/2016

Liên hệ: Nguyễn Thị Kim Ngoan

Khoa Kiến trúc – Đô thị – Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Số 6 Trần Văn Ôn, Phú Hòa – Thủ Dầu Một – Bình Dương

Email: kimngoanngoan@gmail.com